TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 14 - 6 - 2024
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN DÂN NHÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Hà, bà Trần Thị Bé Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2023/TLST - DS, ngày 02 tháng 11 năm 2023, vụ án "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 97/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Hồng A, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/10/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Hồng A trình bày: Vào ngày 26/12/2018, ông Đỗ Hồng A có cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu E vay (mượn) số tiền 20.000.000đ, đến nay chưa thanh toán; ngày 22/4/2019 ông A cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thu E vay (mượn) số tiền 25.000.000đ, đến nay chưa thanh toán. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền tổng cộng là 45.000.000đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu E quá trình thu thập chứng cứ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vấn đề các đương sự thỏa thuận được, không thoả thuận được: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 45.000.000đ; đương sự phải chịu án phí theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng

[2] Về thẩm quyền: Vào năm 2018 và năm 2019, giữa nguyên đơn với bị đơn có thoả thuận, ký kết hai hợp đồng vay tài sản, dưới hình thức "Giấy biên nhận tiền" ngày 26/12/2018 và ngày 22/4/2019, do bị đơn cư trú tại ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý theo quan hệ "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về địa chỉ, nơi cư trú của người bị khởi kiện: Theo "Giấy biên nhận tiền" ngày 26/12/2018 và ngày 22/4/2019 ghi địa chỉ của bà Nguyễn Thị Thu E là ấp G, V, V, Hậu Giang; theo đơn xin xác nhận ngày 24/10/2023 của ông A, được chính quyền địa phương xác nhận địa chỉ của bà Nguyễn Thị Thu E là ấp G, xã V, huyện V là phù hợp địa chỉ tại thời điểm giao dịch là ấp G, xã V, V, Hậu Giang; hiện nay bà Thu E không có mặt tại địa phương, thay đổi địa chỉ nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho ông A biết; do đó, bà Thu E bị coi là cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông A.

[4] Về xét xử vắng mặt: Bà Nguyễn Thị Thu E mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đại diện tham gia phiên toà. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt.

[5] Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu E, quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, coi như bà Thu E không chứng minh; do đó, Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[6] Áp dụng pháp luật về nội dung: Giao dịch giữa các bên được ký kết vào năm 2018 và 2019; do đó, áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[7] Về yêu cầu khởi kiện: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp cho Toà án bản chính "Giấy biên nhận tiền" ngày 26/12/2018, thể hiện nội dung: Tôi là Nguyễn Thị Thu E, địa chỉ ấp G, V, V, Hậu Giang có nhận của ông Đỗ Hồng A số tiền 20.000.000đ, bên dưới chữ "Người nhận tiền" có chữ ký và ghi rõ họ tên bà Nguyễn Thị Thu E, bên dưới chữ "Người giao tiền" có chữ ký và ghi rõ họ tên ông Đỗ Hồng A; và bản chính Giấy biên nhận tiền" ngày 22/4/2019, thể hiện nội dung: Tôi là Nguyễn Thị Thu E, địa chỉ ấp G, V, V, Hậu Giang có nhận của ông Đỗ Hồng A số tiền 25.000.000đ, bên dưới chữ "Người nhận tiền" có chữ ký và ghi rõ họ tên bà Nguyễn Thị Thu E, bên dưới chữ "Người giao tiền" có chữ ký và ghi rõ họ tên ông Đỗ Hồng A; như nhận định tại mục [3] và mục [5], do bà Thu E không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh; do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Về lãi suất: Theo "Giấy biên nhận tiền" ngày 26/12/2018 và "Giấy biên nhận tiền" ngày 22/4/2019, các bên không thoả thuận về lãi suất; đơn khởi kiện ngày 24/10/2023, ông Đỗ Hồng A không có yêu cầu về lãi suất; đây là quyền tự định đoạt của đương sự, nên Toà án không xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[10] Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 95, 96, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

2. Áp dụng: Các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hồng A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu E trả lại số tiền tổng cộng là 45.000.000đ.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu E có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Hồng A số tiền tổng cộng là: 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu E phải nộp số tiền 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

4.2. Ông Đỗ Hồng A được nhận lại 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008349, ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Vị Thủy;
- Chi cục THADS h.Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);